

Tên tài khoản/Account name: CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Ngày thực hiện/ Date: 02/05/2024

Chi nhánh thực hiện/ Branch: ĐÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ/ Address: 12/14/18 DUONG 49,KP7,P.H B CHANH,TP.THUDUC,TPHCM

Số tài khoản/Account number: 1027349624

CIF: 0004202353

Loại tiền/Currency: VND

Từ/ From: 01/04/2024 Đến/ To: 30/04/2024

Số dư đầu kỳ/ Carried balance: 2.949.462.399

| Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No | Số tiền ghi nợ/ Debit | Số tiền ghi có/ Credit | Số dư/ Balance | Nội dung chi tiết/ Transactions in detail |
|---------------------------------------|--------------------------|---------------------------|-------------------|--|
| 01/04/2024 5213.73093 | | 137.112.010 | | 182495.010424.140649.CH01140647031 034710 KINGFOOD TT Payment for V000516 |
| 01/04/2024 7.185 | 1.598.080.000 | | | CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM, MUA USD TT NN |
| 01/04/2024 10.92 | 4.202.451 | | | CHUYEN KHOAN01/04/2024+USD64,000.00+Fee:USD1 68.30+ADVANCE PAYMENT OF CONT NO HT-20231129-1 INV NO.HT-20231129-1 +F/O:ZHEJIANG HENGTAI INTELLIGENT DEVICE CO LTD NO 373 OUFAN RD DONGTOU DIST WENZHOU CITY ZHEJIANG CHINA, Phi:USD 153.00, NoiDung:ADVANCE PAYMENT |
| 01/04/2024 9.221 | 334.400 | | | CHUYEN KHOANTHU PHI CT THEO GNN SO 30 N01.04.24- CTY NGOC THOM |
| 01/04/2024 5058.32627 | 591.267.054 | | 892.690.504 | IBVCB.0104240756535001.THANH TOAN HD SO 465-CTY HSH THANG LONG |
| 02/04/2024 9.57 | 880.000 | | | CHUYEN KHOANTHU PHI CT THEO GNN SO 31 N02.04.24- CTY NGOC THOM |
| 02/04/2024 5216.95939 | | 10.000.000 | | 875599.020424.181936.Cty Dai Thanh Hai thanh toan cong no cho NCC Ngoc Thom |
| 02/04/2024 5190.2379 | 1.000.000 | | 900.810.504 | IGT2414904ISS001 |
| 05/04/2024 9920.97 | | 14.683.902 | | //SAL2024096S007005143003//CTY TNHH VONG TRON DO THANH TOAN CHO NCC PAYMENT FOR MERCHANDISE |
| 05/04/2024 9920.43 | | 62.757.910 | 978.252.316 | //SAL2024096S007005143004//CTY TNHH VONG TRON DO CIRCLE K HN THANH TOAN CHO NCC CIRCLE K HN PAYMENT FOR MERCHANDISE |
| 06/04/2024 5056.25210 | 400.000.000 | | | IBVCB.0604240250191001.CK NOI BO. |



| Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No | Số tiền ghi nợ/ Debit | Số tiền ghi có/ Credit | Số dư/ Balance | Nội dung chi tiết/ Transactions in detail |
|---------------------------------------|--------------------------|---------------------------|-------------------|--|
| 06/04/2024 9915.87691 | 55.000 | | | THU PHI DỊCH VỤ SMS CHỦ ĐÓNG THANG 03/2024. SDT: 0917823679. Số tiền 55000 VND |
| 06/04/2024 5056.27142 | 550.007.700 | | 28.189.616 | IBVCB.0604241001955002.CTY NGOC THOM RUT TIEN MAT |
| 10/04/2024 5130.74826 | | 39.942.563 | 68.132.179 | /Ref:PATTMN12FR524100{}/Ref:PATTMN 12FR524100{}/TT VNMN12FR5 N BATCH:M2.3-10.04.2024. MMMEGA MARKET TTOAN PAYMENT:8417000018956 VENDOR:M25790 DVC:CONG TY TNHH MM MEGA MARKET VIETNAM/MM MEGA MARKET VIETNAM CO.LTD |
| 11/04/2024 5056.32781 | 60.007.700 | | 8.124.479 | IBVCB.1104240350747001.CTY NGOC THOM RUT TIEN MAT |
| 15/04/2024 5009.67839 | | 3.163.860 | | SHGD:10002809.DD:240415.BO:CTY TNHH CUA HANG TIEN LOI GIA DINH VN.Remark:(CKRmNo: 111524041511472)FAMILYMART THANH TOAN TIEN HANG 03/2024 |
| 15/04/2024 5009.2312 | | 1.315.949.511 | | SHGD:10005568.DD:240415.BO:CT CP DV TM TONG HOP WINCOMMERCE.Remark:2000070221 WINCOMMERCE TTHST CHO NCC 2003606 |
| 15/04/2024 5009.2371 | | 1.145.831.755 | | SHGD:10010586.DD:240415.BO:CT CP DV TM TONG HOP WINCOMMERCE.Remark:2000070225 WINCOMMERCE THST L4 NCC 2003606 |
| 15/04/2024 5009.2380 | | 767.529.270 | | SHGD:10011575.DD:240415.BO:CT CP DV TM TONG HOP WINCOMMERCE.Remark:2000070222 WINCOMMERCE THST L1 NCC 2003606 |
| 15/04/2024 5009.2381 | | 977.497.834 | | SHGD:10012902.DD:240415.BO:CT CP DV TM TONG HOP WINCOMMERCE.Remark:2000070224 WINCOMMERCE THST L3 NCC 2003606 |
| 15/04/2024 5009.2388 | | 1.034.587.985 | | SHGD:10010587.DD:240415.BO:CT CP DV TM TONG HOP WINCOMMERCE.Remark:2000070223 WINCOMMERCE THST L2 NCC 2003606 |
| 15/04/2024 5056.11177 | 1.000.000.000 | | | IBVCB.1504240534399001.CK NOI BO. |
| 15/04/2024 5017.21632 | | 10.698.413 | 4.263.383.107 | 458775.150424.163857.VITALGO CK CTY NGOC THOM-150424-16:38:56 458775 |
| 16/04/2024 5056.23414 | 500.007.700 | | | IBVCB.1604240236169001.CTY NGOC THOM RUT TIEN MAT |
| 16/04/2024 5058.25137 | 778.216.502 | | | IBVCB.1604240171477002.THANH TOAN 1 PHAN HD SO 003. |
| 16/04/2024 9.178 | 2.595.084.439 | | 390.074.466 | TRANSFERTAT TOAN TKV 1044364025 |

Postal address:
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT
Swift : BFTV/VNVX
Website: www.vietcombank.com.vn
Contact center: 1900.54.54.13

| Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No | Số tiền ghi nợ/ Debit | Số tiền ghi có/ Credit | Số dư/ Balance | Nội dung chi tiết/ Transactions in detail |
|---------------------------------------|--------------------------|---------------------------|-------------------|--|
| 17/04/2024 5190.2648 | 3.666.082 | | | IGT2417318ISS001 |
| 17/04/2024 5216.76487 | | 3.279.183 | 389.687.567 | 747754.170424.184751.SIBA FOOD HN TT CN - 20000547 |
| 22/04/2024 9.129 | 11.000 | | 389.676.567 | CHUYEN KHOANTHU PHI CT THEO GNN SO 01 N22.04.24-CTY NGOC THOM |
| 23/04/2024 5009.19595 | | 12.490.325 | 402.166.892 | SHGD:10000461.DD:240423.BO:Cac khoan trung gian thanh toan - DVKH-VND.Remark:TT CONG NO THANG 12/2023 |
| 24/04/2024 11.97 | | 2.865.597 | | SATRA PHAM HUNG TT-NCC (VD0426) HD 12624, XTH |
| 24/04/2024 5130.82569 | | 108.020.477 | 513.052.966 | /Ref:PATTMN13QO124114{}/Ref:PATTM N13QO124114{}/TT VNMN13QO1 N BATCH:M2-24.04.2024 MM MEGA MARKETTTOAN PAYMENT:8317000043594 VENDOR:M25790 DVC:CONG TY TNHH MM MEGA MARKET VIETNAM/MM MEGA MARKET VIETNAM CO.LTD |
| 25/04/2024 5009.67037 | | 52.942.066 | | SHGD:10003995.DD:240425.BO:WINCOMME RCE JSC.Remark:2000082492 WINCOMMERCE TTHST CHO NCC 2003606 |
| 25/04/2024 5009.67045 | | 147.613.065 | | SHGD:10003846.DD:240425.BO:WINCOMME RCE JSC.Remark:2000082493 WINCOMMERCE THST L3 NCC2003606 |
| 25/04/2024 5009.67054 | | 176.108.396 | | SHGD:10003848.DD:240425.BO:WINCOMME RCE JSC.Remark:2000082494 WINCOMMERCE THST L4 NCC2003606 |
| 25/04/2024 9404.1027349624 | 22.000 | | | THU PHI QLTK TO CHUC-VND |
| 25/04/2024 9705.1027349624 | | 185.945 | 889.880.438 | INTEREST PAYMENT |
| 26/04/2024 5058.36552 | 59.878.195 | | | IBVCB.2604240523271001.THANH TOAN HD SO 1684-CTY TIEN DAT |
| 26/04/2024 5056.41653 | 200.000.000 | | | IBVCB.2604240412579002.CK NOI BO. |
| 26/04/2024 9908.64049 | 18.667.364 | | | THU NO TKV 1044465103 |
| 26/04/2024 9908.91021 | 2.258.990 | | | THU NO TKV 1045043445 |
| 26/04/2024 9908.57268 | 2.106.675 | | | THU NO TKV 1044558817 |
| 26/04/2024 9908.65748 | 5.976.164 | | | THU NO TKV 1044582619 |
| 26/04/2024 9908.28949 | 7.567.482 | | | THU NO TKV 1045124771 |
| 26/04/2024 9908.33914 | 3.539.726 | | | THU NO TKV 1046044793 |
| 26/04/2024 9908.50699 | 8.942.466 | | | THU NO TKV 1046070136 |



Postal address:
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT
Swift : BFTV VNVX
Website: www.vietcombank.com.vn
Contact center: 1900.54.54.13

| Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No | Số tiền ghi nợ/ Debit | Số tiền ghi có/ Credit | Số dư/ Balance | Nội dung chi tiết/ Transactions in detail |
|---------------------------------------|--------------------------|---------------------------|-------------------|--|
| 26/04/2024 9908.53829 | 5.675.167 | | | THU NO TKV 1045515171 |
| 26/04/2024 9908.20454 | 5.021.444 | | | THU NO TKV 001045212403 |
| 26/04/2024 9908.71673 | 3.256.466 | | | THU NO TKV 1045253587 |
| 26/04/2024 9908.27167 | 2.374.679 | | 564.615.620 | THU NO TKV 1045287494 |

Tổng số: 8.408.106.846

6.023.260.067

Total

Số dư cuối kỳ:

564.615.620

Balance

THANH TOÁN VIÊN



KIỂM SOÁT

Trân trọng cảm ơn quý khách đã sử dụng dịch vụ của Vietcombank!

Thank you for using Vietcombank's services!

Trần Thị Thúy Thúy

VIETCOMBANK - Chung niềm tin vững tương lai

VIETCOMBANK - Together for the future

Ghi chú: Giấy xác nhận này của Ngân hàng TMCP Ngoại thương không tạo nên bất kỳ cam đoan hay bảo đảm nào tại thời điểm hiện tại hay tương lai về các nghĩa vụ của khách hàng được xác nhận với bên thứ ba./

Note: This statement does not create any Vietcombank's commitment or guarantee in the present or future regarding the customer's obligations with the third party./